

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 08/2019/HS-ST

Ngày 13 - 3 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thành**

Bà **Phan Thị Ngọc Loan**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Trung Ng (T); Giới tính: Nam; sinh năm: 1989, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Lộc Điền, huyện N, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Cha: Lê Trung P (đã chết); Mẹ: Lê Thị Mai L, sinh năm 1968; Bị cáo có 03 anh em, lớn nhất là sinh năm 1986, nhỏ nhất là sinh năm 1990. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 16/12/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

** Bị hại:*

Anh Lê Hữu N, sinh năm 1998

Hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã Lộc H, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

** Người có liên quan:*

Trần Đức L, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã Đ, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 15/12/2018, Lê Trung Ng đi bộ từ nhà thuộc ấp 3, xã Đ đến nhà ông Lê K, sinh năm 1968, hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã Đ để chơi đám cưới và xem bóng đá. Khi đến nơi Ng thấy có nhiều xe mô tô để trong rạp đám cưới không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Ngay lúc này Ng mượn xe mô tô hiệu Dream biển số: 63X9-5289 của anh Trần Đức Lai, sinh năm 1986, HKTT: ấp 3, xã Đ để đi về nhà để thay quần áo và lấy một cây đoản rồi quay lại nhà ông K. Khi quay lại Ng quan sát xung quanh không có người để ý, Ng đi đến chỗ chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số: 93T8-3905, màu đỏ, đen của anh Nguyễn Hữu N đang dựng trong rạp đám cưới rồi dùng cây đoản bẻ ổ khóa dẫn ra ngoài đường rồi nổ máy chạy đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đến nhà thờ xã Đ thì bị Công an xã Đ kiểm tra hành chính Ng không xuất trình được các giấy tờ và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, đen, biển số: 93T8-3905, 01 (một) đoản phá khóa bằng kim loại, dài 6,7cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác được gắn trong một thanh kim loại dài 5,6cm, có một đầu tròn, một đầu có lỗ hình lục giác (dạng chữ L) và số tiền: 60.000 đồng (Sáu mươi ngàn đồng).

Căn cứ biên bản kết luận định giá tài sản số: 05/12/2018/BBKL.ĐGTS ngày 17/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, đen, biển số: 93T8-3905 trị giá 6.000.000 đồng (BL 32)

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSLN, ngày 12/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Trung Ng về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, đen, biển số: 93T8-3905 cho anh Nguyễn Hữu N là chủ sở hữu hợp pháp (BL: 18 - 39).

Đối với số tiền: 60.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) đoạn băng kim loại, dài 6,7cm, một đầu đẹp, một đầu hình lục giác được gắn trong một thanh kim loại dài 5,6cm, có một đầu tròn, một đầu có lỗ hình lục giác (dạng chữ L) là công cụ phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với anh Trần Đức L có hành vi đưa cho Lê Trung Ng mượn xe để về nhà lấy cây đoản nhưng anh L không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/12/2018, tại ấp 4, xã Đ, huyện N, tỉnh Bình Phước, Lê Trung Ng đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, đen, biển số: 93T8-3905 của anh Nguyễn Hữu N trị giá 6.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là lừa đảo, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được luật pháp bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi

phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do lười biếng lao động, không lo tu chí làm ăn, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Ngày 29/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 08/2012/HSST ngày 29/02/2012. Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 18/3/2013. Bị cáo đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà thì ngày 15/12/2018 lại tiếp tục phạm tội. Chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần xử phạt thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để có đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và để phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, tại phiên toà bị hại vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) đoạn bằng kim loại, dài 6,7cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác được gắn trong một thanh kim loại dài 5,6cm, có một đầu tròn, một đầu có lỗ hình lục giác (dạng chữ L) là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 60.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án, bị cáo không xin lại nhưng đó là tài sản của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với Trần Đức L có hành vi đưa cho Lê Trung Ng mượn xe để về nhà lấy cây đoản nhưng anh L không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1) *Tuyên bố bị cáo Lê Trung Ng (T)* phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo là ngày 16/12/2018.

2) *Về vật chứng vụ án*: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) đoạn bằng kim loại, dài 6,7cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác được gắn trong một thanh kim loại dài 5,6cm, có một đầu tròn, một đầu có lỗ hình lục giác (dạng chữ L).

- Trả lại cho bị cáo Lê Trung Ng số tiền 60.000 đồng.

Số tang vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 0006601 ngày 05/3/2019.

3) *Về án phí*: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Ng quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, bị hại, người liên quan
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng

